**TUẦN 8-LỚP 10**

 **BÀI: CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG TÌNH NGHĨA**

**I.Khái quát về ca dao**

1. Khái niệm

Ca dao là thể loại trữ tình bằng văn vần nhằm diễn tả đời sống nội tâm của con người.

2.Những nét lớn về nội dung và nghệ thuật.

* 1. Nội dung:
* Ca dao là hình thức thổ lộ tâm tình của người bình dân xưa.
* Nhìn khái quát thì tâm tình của người bình dân tập trung vào 2 vấn đề:

+ Than thân

+ Phản kháng

Trong xã hội xưa, đời sống vật chất thấp kém, lao động nông nghiệp lạc hậu, người dân phải vất vả cực nhọc mà vẫn làm không đủ ăn. Đồng thời họ lại là giai cấp bị áp bức bóc lột trong xã hội. Do đó ca dao thường nói tới nỗi vất vả, cực nhọc của con người.

+ Yêu thương tình nghĩa

Một trong những phẩm chất cao đẹp của người bình dân xưa là: yêu thương, tình nghĩa, thủy chung. Ca dao VN có rất nhiều câu thể hiện vẻ đẹp ấy (tình cảm xóm làng, quê hương; tình cảm gia đình; tình yêu đôi lứa, lòng yêu thương đồng loại…)

b.Nghệ thuật.

* Thể thơ: Thường sáng tác theo 2 thể lục bát và song thất lục bát
* Cách diễn ý, lập ý

+ Cách diễn ý: Ca dao thường thể hiện tình cảm tế nhị, kín đáo do đó thường diễn ý bằng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ,hoán dụ, liên tưởng tưởng tượng…

+ Cách lặp ý: 3 cách (hình thức đối đáp, hình thức miêu tả, hình thức trùng điệp).

\*Ngôn ngữ: Giản dị, mộc mạc, đậm màu sắc địa phương nhưng cũng giàu sức gợi tả, gợi cảm.

3. Phân biệt ca dao – dân ca

* Đây là 2 khái niệm thường được sử dụng song đôi vì có liên quan mật thiết tới nhau
* Ca dao: là thể thơ dân gian
* Dân ca: là khúc hát dân gian. Nó là sự kết hợp giữa lời thơ và điệu nhạc.  **II.Đọc hiểu văn bản**

HS đọc diễn cảm văn bản.

HS nhận xét, đánh giá được việc đọc của bạn.

### 1. Bài ca dao số 1: Tiếng hát than thân

* Hình thức mở đầu: *Thân em như…*gợi âm điệu xót xa, ngậm ngùi.

→ Chủ thể than thân: người phụ nữ.

→ Mô tip mở đầu phổ biến trong ca dao.

* Sử dụng hình ảnh so sánh, ẩn dụ:

+ Thân em – tấm lụa đào: ý thức về sắc đẹp, tuổi xuân, giá trị của người phụ nữ.

+ Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai: Số phận chông chênh, đầy may rủi, giống món hàng để mua bán

→ Lời than thân đầy chua xót của NVTT: người phụ nữ khi bước vào thời kì đẹp nhất, rực rỡ nhất thì lại phấp phỏng nỗi lo âu về thân phận.

### 2. Bài ca dao số 4: Tiếng hát yêu thương, tình nghĩa

* Nỗi niềm thương nhớ người yêu của cô gái được gửi gắm qua 3 hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng:
* ***Khăn***: Hình ảnh nhân hóa được nhắc đến 6 lần:

+ Vật kỉ niệm, vật trao duyên gợi nhớ người yêu.

+ Gắn bó với cô gái trong mọi hoàn cảnh.

+ Điệp từ “*khăn*”, điệp khúc “*khăn thương nhớ ai*”: nỗi nhớ triền miên, da diết.

+ Nỗi nhớ trải dài trong không gian: *rơi xuống đất, vắt lên vai, chùi nước mắt*. Các động từ: *rơi, vắt, xuống, lên* diễn tả được tâm trạng ngổn ngang, bồn chồn, khắc khoải của cô gái.

* ***Đèn***: Hình ảnh nhân hóa, được nhắc đến 2 lần.

+ Từ “*khăn”* đến “*đèn”*: Nỗi nhớ lan tỏa theo thời gian từ ngày sang đêm.

+ *Đèn không tắt*: Ẩn dụ: nỗi thương nhớ không nguôi trong lòng cô gái.

***- Mắt***: Hình ảnh hoán dụ: cô gái, được nhắc đến 2 lần.

+ Nếu “*khăn*”, “*đèn*” là biểu tượng gián tiếp thì “*mắt*” là biểu tượng trực tiếp, là chính bản thân cô gái, cô tự hỏi chính mình.

+ *Mắt thương nhớ ai/ Mắt ngủ không yên*: nỗi nhớ, nỗi ưu tư, trăn trở nặng trĩu trong lòng.

+ Điệp khúc “*thương nhớ ai*” thể hiện nỗi mong nhớ khắc khoải, da diết.

* *“Đêm qua em những lo phiền*

*Lo vì một nỗi không yên một bề”*

Niềm lo âu, trăn trở cho hạnh phúc lứa đôi: Sợ tình yêu hạnh phúc lứa đôi bị dang dở, bị ngăn cản.

→ Bài ca dao gồm 6 cặp câu. Ở 5 cặp câu đầu, mỗi câu chỉ có 4 tiếng, được kết cấu theo kiểu câu hỏi tu từ không có lời đáp. Cặp câu cuối là cặp câu lục bát, số tiếng trong câu tăng lên. Hình thức này diễn tả sự trào dâng cảm xúc của NVTT nhưng đáng chú ý là sự chuyển biến từ cảm xúc thương nhớ sang cảm xúc lo âu.

Bài ca dao thể hiện tình yêu sâu sắc, mãnh liệt của cô gái đầy yêu thương, tình nghĩa.

### Bài 6: Tình nghĩa thủy chung

* Hình ảnh: muối, gừng.

+ Muối ba năm còn mặn.

+ Gừng chín tháng còn cay.

=> Dù trải qua thời gian nhưng không hề mất đi giá trị.

=> Hình ảnh muối, gừng: biểu trưng cho hương vị của tình cảm giữa con người với con người, mà cụ thể là tình nghĩa vợ chồng.

* Ba vạn sáu ngàn ngày: thời gian dài, tượng trưng cho một đời người.

=> Bài ca dao ca ngợi tình nghĩa vợ chồng thủy chung, bền vững.

III. Tổng kết

***1. Nội dung***

* Bức tranh tâm tình của người bình dân trong cuộc sống.
* Nỗi niềm tâm sự thầm kín của những chàng trai cô gái, hay tình cảm vợ chồng thắm đượm ân tình.
* Ca ngợi tình nghĩa thuỷ chung son sắt của con người, đồng thời nêu lên quan niệm tiến bộ về tình yêu, hạnh phúc (tự do yêu thương tìm hiểu nhau).

***2. Nghệ thuật***

* Ngắn gọn, súc tích, giàu hình ảnh gợi
* Bố cục rõ ràng, ngôn ngữ gần gũi với đời sống sinh hoạt của người bình dân.

So sánh, ẩn dụ, liên tưởng

**Hoạtđộng : Luyện tập**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**Câu hỏi 1:** Bài ca dao(1)(2)trong bài "Ca dao than thân và Ca dao yêu thương tình nghĩa"là tiếng nói của ai?

a. Mẹ nói với con gái.

1. Người con trai nói với người con gái.
2. Người con gái nói với người con trai.

 d. Em nói với anh.

ĐÁP ÁN

c.Người con gái nói với người con trai.

**Câu hỏi 2:** Bài ca dao (3) trong bài "Ca dao than thân và ca dao yêu thương tình nghĩa"nói về thân phận của ai?

1. Người phụ nữ phải đi lấy chồng sớm.
2. Người phụ nữ quá tuổi.
3. Người đàn bà goá chồng.
4. Người đàn bà không có con.

ĐÁP ÁN:

1. Người phụ nữ phải đi lấy chồng sớm.

**Câu hỏi 3:** Bài ca dao (1) (2) đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

1. So sánh, hoán dụ.
2. Ẩn dụ, hoán dụ.
3. So sánh, ẩn dụ.

 d.Tất cả biện pháp trên đều đúng

ĐÁP ÁN:

c.So sánh, ẩn dụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**Bước 3: HS trình bày bằng cách cử một bạn trong nhóm trả lời trực tiếp GV.**

**Bước 4: Dự kiến sp của HS, GV chốt ý**